

### 1. Thông tin chung về giảng viên:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà
- Chức danh: GVC Học vị: Tiến sĩ, chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Thời gian, địa điểm làm việc: VP bộ môn LS tại phòng 102, cơ sở 1, A5
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Sử, khoa KHXX, trường ĐH Hồng Đức
- Điện thoại: 0936 675 857 [nguyenthuhadhhd1512@gmail.com](mailto:nguyenthuhadhhd1512@gmail.com)
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành) của giảng viên: LS VN, LS Địa phương
- Lịch sử Việt Nam
- Lịch sử kinh tế, ls địa phương
- Thông tin chung về các giảng viên cùng giảng dạy học phần:
- Họ và tên : Nguyễn Thị Định
- Chức danh : GV Học vị: Thạc sĩ khoa học – chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Đại học Hồng Đức
- Điện thoại: 0373 756838 – 0947 114 289,
- Email: [dinhnt74@yahoo.com](mailto:dinhnt74@yahoo.com)

### 2. Thông tin chung về học phần:

- Tên ngành đào tạo: - Đại học Lịch sử
- Tên học phần: **Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam**
- Số tín chỉ học tập: 02
- Học phần: bắt buộc:  Tự chọn:
- Các học phần tiên quyết: LSVNHD
- Các học phần kế tiếp
- Các học phần tương đương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- + Nghe giảng lí thuyết: 18

+ Bài tập/ thảo luận nhóm: 21, thực hành 3, Ktra 1=24t

+ Tự học: 90

+ Đi thực hành, thực địa tại Vĩnh Lộc và Tĩnh Gia ( ngoài TKB)

- Địa chỉ của bộ môn phụ trách học tập: Phòng 102 A5, Bộ môn Lịch sử, Khoa KHXH, Cơ sở I, Trường ĐH Hồng Đức

### 3. Nội dung học phần.

Nội dung gồm những kiến thức toàn diện cơ bản, có hệ thống về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam. Các vấn đề chủ yếu: Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật PK; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

### 4. Mục tiêu của học phần.

Mục tiêu	Mô tả	Chuẩn đầu ra CTĐT
1	Về kiến thức: - Nắm vững diễn biến, tiến trình các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam. - Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và các quá trình lịch sử trong giai đoạn này. - Nhìn nhận, đánh giá khách quan về bản chất, đặc điểm của các sự kiện, hiện tượng lịch sử, ý nghĩa và bài học lịch sử trong giai đoạn này.	SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam; tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn.
2	Kĩ năng: - Giúp sinh viên hình thành kĩ năng nhận biết	Có năng lực xây dựng kế hoạch, hồ sơ dạy học môn

	<p>đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử.</p> <p>- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ đến hiện tại.</p>	<p>Lịch sử và tổ chức các hoạt động giáo dục và khả năng tự đánh giá, tự học, tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp.</p>
3	<p>Thái độ:</p> <p>- Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.</p> <p>- Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.</p>	<p>Có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên Lịch sử THPT.</p>
4	<p>Năng lực: Có khả năng tự phân tích vấn đề, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.</p>	<p>Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Lịch sử ở bậc học phổ thông, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</p>

## 5. Chuẩn đầu ra học phần.

STT	Kết quả mong muốn đạt được	Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT
-----	----------------------------	----------	-------------------

1	Kiến thức khoa học và kỹ năng cá nhân	SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam; vận dụng để thiết kế bài giảng Các công cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam trong chương trình phổ thông.	SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực Các công cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam; tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn.
2	Kỹ năng giao tiếp và truyền thông	SV có thể thuyết trình vấn đề trước tập thể và có khả năng thiết kế và thực hiện một số thao tác giảng dạy về Lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông.	Có năng lực xây dựng kế hoạch, hồ sơ dạy học môn Lịch sử và tổ chức các hoạt động giáo dục để phát triển nghề nghiệp.
3	Thái độ	SV biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc. Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.	Có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên Lịch sử THPT.
4	Năng lực	SV Có khả năng tự phân tích vấn đề, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong	Có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm

		lĩnh vực kinh tế xã hội.	để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp sau này.
--	--	--------------------------	---

## **6. Nội dung chi tiết học phần:**

### Phần thứ nhất

## **NHẬN THỨC LÝ LUẬN**

### **1. CẢI CÁCH, ĐỔI MỚI, CÁCH MẠNG, NHẬN THỨC LÝ LUẬN**

1.1. Cách mạng

1.2. Cải cách

1.3. Đổi mới

### Phần thứ hai

## **MƯỜI CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

### **1. CẢI CÁCH CỦA HỌ KHÚC VỚI SỰ NGHIỆP GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC THẾ KỶ X**

1.1. Thời điểm lịch sử thực hiện cải cách

1.2. Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách

1.3. Thực hiện cải cách để củng cố độc lập, phát triển đất nước

1.4. Thành công và hệ quả lâu dài của cải cách

### **2. SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA LÝ CÔNG UẨN ĐỔI MỚI TRIỀU ĐẠI ĐỔI MỚI ĐẾ ĐÔ- ĐỔI MỚI XÃ**

2.1. Thời điểm lịch sử của sự nghiệp “đổi mới”

2.2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới

2.3. Ba sự nghiệp đổi mới:

a, Đổi mới triều đại

b, Đổi mới đế đô

c, Đổi mới xã hội

### **3. TRẦN THỦ ĐỘ: ĐỔI MỚI XÃ HỘI CUNG CÓ VƯƠNG TRIỀU – CHIẾN THẮNG NGOẠI XÂM**

#### *3.1. Thời điểm lịch sử*

3.1.1. Khủng hoảng cung đình

3.1.2. Khủng hoảng xã hội

3.1.3. Ngoại xâm tàn phá, quấy rối biên cương

#### *3.2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới*

#### *3.3. Nội dung và thành tựu đổi mới*

3.3.1. Đổi mới vương triều

3.3.2. Đổi mới cơ chế quản lý xã hội

3.3.3. Đổi mới về kinh tế

3.3.4. Đổi mới văn hóa

#### *3.4. Nhận xét đánh giá*

### **4. CẢI CÁCH XÃ HỘI CỦA HỒ QUÝ LY-THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ**

#### *4.1. Những tiền đề yêu cầu phải cải cách:*

4.1.1. Tiền đề bên ngoài

4.1.2. Mâu thuẫn sâu sắc bên trong:

- Mâu thuẫn trong cơ cấu xã hội

- Khủng hoảng hệ tư tưởng phong kiến và thiết chế chính trị

#### *4.2. Vị thế xã hội của Hồ Quý Ly và thời điểm lịch sử tiến hành cải cách*

#### *4.3. Nội dung cải cách của Hồ Quý Ly*

4.3.1. Đổi mới triều đại, giải quyết khủng hoảng cung đình

4.3.2. Cải cách thiết chế chính trị - xã hội và hệ tư tưởng phong kiến

4.3.3. Cải cách kinh tế - xã hội:

- Cải cách quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, chủ yếu là quan hệ ruộng đất bằng chính sách “hạn điền”

- Cải cách quan hệ sở hữu sức lao động bằng biện pháp “hạn nô”

- Cải cách tiền tệ - phát hành tiền giấy

- Cải cách về văn hóa – giáo dục

- Cải cách về quân sự

4.4. *Một vài suy nghĩ về nguyên nhân mất nước*

4.4.1. Hạn chế khách quan

4.4.2. Hạn chế chủ quan

## **5. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THỜI LÊ THÁNH TÔNG – XÂY DỰNG MỘT NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN THỊNH TRỊ**

5.1. *Yêu cầu lịch sử phải tiến hành cải cách*

5.1.1. Bối cảnh lịch sử

5.1.2. Những yếu kém về quản lý xã hội và tiền đề về kinh tế

5.1.3. Tiền đề bên ngoài

5.2. *Nội dung cải cách*

5.2.1, Trước tiên là việc phân cấp quản lý đất đai

5.2.2, Nhiệm vụ trung tâm của cải cách là xây dựng cho được một cơ cấu tổ chức hành chính, đáp ứng được yêu cầu độc lập, tự chủ và phát triển đất nước

5.2.3, Xây dựng đội ngũ quan lại có chất lượng tốt trong bộ máy hành chính

5.2.4, Định rõ qui tắc vận hành của bộ máy hành chính, qui chế phẩm phục triều nghi và ban hành hình luật

5.2.5, Về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa cử

## **6. ĐÀO DUY TỪ- ĐỔI MỚI VỊ THẾ CỦA MÌNH ĐỂ GÓP PHẦN ĐỔI MỚI XÃ HỘI**

6.1. *Tìm đường lập thân trước một xã hội khủng hoảng, trì trệ*

6.2. *Đào Duy Từ góp phần đổi mới xã hội Đàng Trong – dựng xây nên một nửa phần rất năng động của đất nước*

6.3. *Thành tựu cụ thể*

6.4. *Nhận xét đánh giá*

## **7. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CỦA TRỊNH CƯƠNG (1716 – 1729) MỘT GIẢI PHÁP TÌNH THẾ CÓ HIỆU LỰC**

7.1. *Bối cảnh lịch sử của việc tiến hành cải cách*

7.2. *Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách*

7.2.1. Điều đáng quý nhất là tinh thần “quyết đoán”, “dám khẳng định quyền uy của mình” để thực hiện cải cách

7.2.2. Phẩm chất thứ hai là có tác phong sâu sát, có đức tính chăm chỉ, cần mẫn

7.2.3. Phẩm chất thứ ba là quý trọng nhân tài, biết dùng người giỏi

7.3. *Nội dung Cải cách tài chính (1716 – 1729)*

7.3.1. Xoá bỏ phép “Bình lệ”

7.3.2. Định phép chia đều thuế khóa và tạp dịch cho cả đình và điền

7.3.3. Đánh thuế ruộng tư

7.3.4. Thu thuế khai thác

7.3.5. Giảm bớt viên chức để giảm chi lương bổng

7.3.6. Thi hành phép đánh thuế tô, dung, điệu

7.3.7. Đặt thêm sở tuần ti ở các trấn để tận thu thuế thương nghiệp

7.3.8. Thu thuế các loại thổ sản khác, ngoài quế, đồng và muối (đã nói)

7.3.9. Thu thuế đất ở đô thị

7.3.10. Định ra các thể lệ giảm, miễn thuế

7.4. Thành quả của cải cách

## **8. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA MINH MỆNH – THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ**

8.1. *Những tiền đề dẫn tới cải cách*

8.2. *Quá trình và phương châm, phương pháp thực hiện cải cách*

8.2.1. Củng cố hệ tinh thần Khổng Giáo, Tống Nho

8.2.2. Cải cách việc phân chia địa giới hành chính và các cấp bậc hành chính

8.3. *Nội dung và thành tựu của cuộc cải cách*

8.3.1. Cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương

8.3.2. Hiệu lực của bộ máy hành chính sau cải cách

+ Ở cấp trung ương

+ Giữa trung ương với các địa phương

+ Quyền giám sát của Kinh lược đại sứ

8.4. *Những hạn chế của cải cách*

- 8.4.1. Hạn chế thứ nhất và cơ bản nhất là không thay đổi được tư duy
- 8.4.2. Hạn chế thứ hai là chú trọng củng cố vương quyền hơn là cải thiện dân sinh
- 8.4.3. Tư tưởng củng cố đế nghiệp phong kiến đã lỗi thời trước yêu cầu phải mở cửa nhìn rộng ra thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây
- 8.4.4. *Kết luận chung*

## **9. TƯ DUY CẢI CÁCH CỦA NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - TƯ DUY ĐỔI MỚI CỦA THẾ KỈ XIX**

### *9.1. Thời điểm ra đời của “tư duy cải cách Nguyễn Trường Tộ”*

### *9.2. Con người Nguyễn Trường Tộ với tư cách nhà đề xướng cải cách*

- 9.2.1. Nguyễn Trường Tộ - một trí thức bình dân thông minh, ham học
- 9.2.2. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước giàu lòng tự tôn, tự hào dân tộc, có tinh thần dũng cảm, dám nói, dám làm
- 9.2.3. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước không màng công danh, phú quý, đặt chữ “trung” lên trên chữ “hiếu”
- 9.2.4. Nguyễn Trường Tộ - một nhà cải cách đi từ đổi mới tư duy đến đổi mới hành động

- Tính ưu việt trong tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ
- Nhược, khuyết điểm của Nguyễn Trường Tộ

### *9.3. Công hiến của Nguyễn Trường Tộ đối với dân tộc*

- 9.3.1. Coi trọng phát triển lực lượng sản xuất xã hội
- 9.3.2. Phát triển khoa học, kĩ thuật, công nghệ, đặc biệt coi trọng việc chuyển giao công nghệ

## **10. PHONG TRÀO ĐỔI MỚI ĐẦU THẾ KỈ XX – NHỮNG CÔNG HIẾN MỚI VÀO TIẾN BỘ XÃ HỘI**

### *10.1. Thời điểm lịch sử*

### *10.2. Phong trào đổi mới*

- 10.2.1. Phan Bội Châu với Duy Tân Hội – Phong trào Đông Du – Việt Nam Quang Phục Hội
- 10.2.2. Phan Châu Trinh với cao trào đấu tranh đòi cải cách
- 10.2.3. Lương Văn Can với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (3/1907-12/1907)

10.2.4. Huỳnh Thúc Kháng với cuộc vận động cải lương yêu nước – tiếp nối phong trào Duy Tân đầu thế kỉ

*10.3. Những cống hiến vào phong trào đổi mới của HuỳnhThúc Kháng.*

10.3.1. Đổi mới tư duy biểu hiện trong hoạt động cải lương yêu nước

10.3.2. Cái mới trong biện pháp hành động

10.3.3. Quan điểm của ĐCSVN với Huỳnh Thúc Kháng từ 1930-1946

Phần thứ ba

## **LIÊN HỆ VỚI HIỆN TẠI**

### **1. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG – ĐẠI HỘI MỞ ĐẦU CHO THỜI KÌ ĐỔI MỚI**

1.1. Đại hội – một Diên Hồng dựng nước

1.2. Đại hội thành công về đổi mới tư duy

1.3. Đại hội – sự bàn giao thế hệ

1.4. Đại hội - mở đầu cho nấc thang mới của thời kì quá độ

### **2. MẤY VẤN ĐỀ VỀ HIỆN THỰC CÔNG NHÂN – NÔNG DÂN – TRÍ THỨC – VĂN HOÁ – NHÀ NƯỚC**

2.1. Công nhân ta trong đổi mới

2.2. “Dân chủ và kỉ cương”, “ổn định và phát triển” trong đổi mới nông thôn

2.3. Trí thức Việt Nam và “vận động trí thức” trong đổi mới

2.4. Xây dựng con người văn hoá Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

2.5. Đổi mới cơ cấu xã hội, bổ sung thiết chế xã hội góp phần làm lành mạnh tổ chức của Đảng, cơ chế của Nhà nước

## **7. Học liệu:**

*7.1. Học liệu bắt buộc:*

1. Văn Tạo (2006), Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam, Nxb Đại học Sư Phạm.

*7.2. Học liệu tham khảo.*

1. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2000), Đại cương Lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, HN.

2. Đinh Xuân Lâm (CB), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN.